HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA
KHOA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

TaiLieu.vn

TS.LƯƠNG MINH VIỆT

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

Phần thứ nhất
NHỮNG VẤN ĐỀ
LÝ LUẬN CHUNGVỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

I-SỰ CẦN THIẾT KHÁCH QUAN CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

Vì sao ở mọi quốc gia Nhà nước đều phải can thiệp vào nhiều mặt hoạt động của nền kinh tế quốc dân? Đó là một câu hỏi, cần được mọi cán bộ-công chức tự đặt ra cho mình và phải có được lời giải có sức thuyết phục cao. Bởi lẽ, sự can thiệp của Nhà nước vào các quan hệ kinh tế không phải bao giờ cũng cũng làm cho các đối tượng bị Nhà nước can thiệp cảm thấy dễ chịu. Trong trường hợp ấy, phản ứng tất nhiên của đối tượng là sự chất vấn công chức, chất vấn người thi hành công vụ về nguyên cớ mà họ bị cản trở. Sự đối lại tốt nhất của người thi hành công vụ là thuyết phục, trước khi phải dùng quyền cưỡng chế. Muốn thuyết phục phải hiểu lý do can thiệp của Nhà nước.

Tình huống trên càng trở nên phổ biến khi nền kinh tế ngày nay đang từng bước chuyển thể sở hữu, từ chủ yếu là công hữu, không chỉ ở các nước XHCN, mà còn ở rất nhiều nước tư bản chủ nghĩa, sang nền kinh tế đa sở hữu, trong đó ở nhiều nước, phần chủ yếu lại là của tư nhân. Điều đó diễn ra ngay trong các nước xã hội chủ nghĩa, nơi đã từng có một nền kinh tế chủ yếu là của Nhà nước, nhưng do sự đổi mới tư duy, nền kinh tế của các nước này cũng đã chuyển dần theo hướng tăng cường kinh tế của tư nhân. Chẳng hạn, ngay ở nước ta hiện nay, nếu tính theo kết quả đầu ra, gần hai phần ba GDP do khu vực phi nhà nước làm ra.

Nhưng, mặc dù có sự biến động theo hướng giảm tỷ trọng kinh tế nhà nước, tăng tỷ trọng kinh tế không của Nhà nước như vậy, sự can thiệp của Nhà nước vào các mặt hoạt động của nền kinh tế quốc dân vẫn không hề giảm đi, trái lạo, có mặt còn cần tăng thêm. T ại sao?

Sở dĩ Nhà nước ta, cũng như mọi Nhà nước trên thế giới, đều phải quan tâm đến việc quản lý nền kinh tế nước mình là vì các lý do sau đây:

1-Kinh tế là lĩnh vực hoạt động xã hội chứa đựng mâu thuẫn giai cấp trực tiếp và sâu sắc nhất.

Theo chủ nghĩa Mác-Lênin, giai cấp được phân hoá và hình thành trong lĩnh vực kinh tế. Chỉ khi nào xem xét con người trong quá trình tái sản xuất xã hội, người ta mới có khái niệm về giai cấp. Giai cấp là một tập hợp những con người cùng vị trí trong nền kinh tế quốc dân. Vị trí của con người trong nền kinh tế được xem xét trên ba mặt: vị trí của họ đối với tư liệu sản xuất (tức TLSX thuộc về ai), vị trí của họ trong quá trình quản lý nền kinh tế (tức, ai là chủ thể quản lý, ai là đối tượng quản lý) và vị trí của họ trong quá trình phân chia thành quả lao động (tức, ai là người có quyền phân chia thành quả lao động và quyết định hưởng thụ).

Vậy, chính trên lĩnh vực kinh tế lúc nào cũng có cuộc đụng độ giai cấp giữa một bên là giới chủ với một bên là giới thợ. Cuộc đấu tranh này đương nhiên là khốc liệt. Thông thường, trong quan hệ chủ-thợ, luôn có sự bóc lột quá mức của chủ, sự thiếu sót của chủ trong việc bảo hộ và bảo hiểm lao động. Ngược lại, giới thợ thuyền cũng đấu

tranh với chủ để bảo vệ lợi ích của mình, trong đó đôi khi cũng xảy ra sự đấu tranh quá mức của thợ thuyền.

Khi một xã hội còn cần đến cả hai giai cấp trên, xã hội đó không thể để cho sự mâu thuẫn trên dẫn đến sự huỷ diệt tính mạng và tài sản của cả đôi bên.

Cũng theo chủ nghĩa Mác-Lênin, Nhà nước là công cụ của giai cấp, có chức năng , nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi giai cấp. Do đó, Nhà nước phải can thiệp vào kinh tế mới có thể bảo vệ quyền lợi kinh tế của giai cấp được

Nhìn vào nền kinh tế nước ta chúng ta cũng có thể thấy rất rõ lý do đó. Trước đây, nền kinh tế nước ta chỉ có hai thành phần sở hữu là quốc doanh và tập thể. Do đó không có bóc lột. Nhưng sau khi thực hiện đa dạng hoá sở hữu về tư liệu sản xuất và mở cửa ra quốc tế, cho du nhập tư bản nước ngoài vào nước ta, vấn đề giai cấp lập tức xuất hiện. Trong hàng loạt doanh nghiệp đã nẩy sinh mâu thuẫn chủ thợ. Nếu trước kia cần đến quản lý nhà nước về kinh tế là vì những lý do nào khác, thì ngày nay, ngoài các lý do kia, còn có thêm một lý do mới, thậm chí là lý do hàng đầu, là vấn đề bảo vệ quyền lợi giai cấp. Sự bảo vệ này của Nhà nước được hướng vào giai cấp chủ, giai cấp thợ hoặc cả hai. Nhưng dù trên hình thức, sự bảo vệ được hướng vào cả hai, về bản chất, bao giờ cũng hướng vào giai cấp mà Nhà nước từ đó sinh ra.

2-Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nhân có thể có những hành vi tiêu cực, gây thiệt hại cho người khác hoặc cho xã hội, chỉ có Nhà nước mới có thể ngăn chặn được.

Bản chất của hoạt động kinh tế là kiếm lời. Việc con người mưu lợi cho bản thân không phải là việc xấu. Vấn đề là ở chỗ, họ mưu lợi cho bản thân bằng cách nào?. Để có lợi cho bản thân, có doanh nhân áp dụng các biện pháp tích cực, như cải tiến thiết bị và công nghệ, hợp lý hoá tổ chức lao động sản xuất. Nhưng cũng không ít doanh nhân vì ích kỷ mà làm điều hại nhân. Đó là cái đáng chống và cũng chính là lý do cần đến sự can thiệp của Nhà nước vào đời sống kinh tế.

Các hoạt động tiêu cực cụ thể của doanh nhân thường có nhiều. Dưới đây là một vài biểu hiện thường thấy:

a-Các doanh nhân vì lợi nhuận tối đa mà bất chấp đạo lý, nguyên tắc, tuỳ tiện sản xuất và cung ứng những hàng hoá và dịch vụ có hại cho người tiêu dùng. Tác hại của chúng có thể là về thể chất hoặc tinh thần, tác động nhanh chóng hoặc di hại dài lâu, dễ nhận thấy hoặc khó nhận ra đối với một số người nào đó hoặc toàn xã hội, hại trong sinh hoạt hàng ngày hoặc trong sản xuất, khi hàng hoá được dùng làm tư liệu sản xuất,..v.,.v..

Ví dụ, cung ứng những thực phẩm chứa nhiều vi trùng, vi khuẩn, hoá chất độc, cung ứng những dịch vụ văn hoá phản văn hoá, hướng con người đi theo những dục vọng tầm thường, cung ứng những máy móc thiết bị kém độ bền an toàn, kém chính xác, khiến cho người sử dụng nó có thể bị sự cố về lao động hoặc tiêu tốn nguyên liệu, nhiên liệu, gây ô nhiễm môi trường, làm ra sản phẩm kém chất lượng,..v..v..

b-Các doanh nhân sử dụng tài nguyên và môi trường một cách bất lợi cho cộng đồng.

Không phải mọi doanh nghiệp đều dùng tài nguyên quốc gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, mà chỉ những doanh nghiệp khai thác tài nguyên, như khai thác

khoáng sản, lâm thổ sản, đánh bắt thuỷ sản,..v..v.. mới động chạm đến tài nguyên quốc gia. Nhưng không có đơn vị sản xuất kinh doanh nào không động chạm đến môi trường sinh thái thông qua việc thải loại các cặn bã của sản xuất và đời sống của doanh nghiệp ra bên ngoài. Do vậy có thể nói rằng, hoạt động của mọi doanh nghiệp đều ảnh hưởng đến tài nguyên và môi trường sinh thái của quốc gia.

Theo đúng đạo lý và pháp lý, tài nguyên và môi trường là tài sản chung của quốc gia, do đó mọi người sử dụng tài nguyên và môi trờng đều phải có nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ tài nguyên và môi trường, đóng góp kinh phí cho việc bảo vệ tài nguyên, khôi phục môi trường, tái tạo thiên nhiên.

Nhưng trên thực tế thường có nhiều doanh nhân chốn tránh trách nhiệm, nghĩa vụ trên, chốn thuế tài nguyên, chốn nộp phí môi trường, không áp dụng các biện pháp chống ô nhiễm môi trường do sản xuất của mình gây ra.

Vì lẽ đó cần có quản lý nhà nước, với địa vị pháp lý và quyền uy của mình, Nhà nước mới có thể ngăn chặn hoặc trừng trị làm răn đối với bất kỳ doanh nhân nào có hành vi chống lại lợi ích chung.

c-Các doanh nhân có thể tuỳ tiện trong việc chiếm dụng địa điểm xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh của mình, không biết hoặc cố tình không biết " ăn trông nồi, ngồi trông hướng".

Địa điểm xây dựng doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp công nghiệp có ảnh hưởng xấu đến môi trường, như tiếng ồn lớn, chất thải độc, vận hành cao tốc, toả nhiệt cao,..v..v.. là mối quan tâm lớn của cộng đồng. Thông thường, các doanh nghiệp trên phải được cách ly dân cư và một số cơ sở sản xuất nhất định. Thế nhưng, không doanh nhân nào muốn bị đẩy ra xa các trung tâm kinh tế-xã hội. Từ đó tình trạng lấn chiếm trái phép vị trí địa lý thường xảy ra.

d-Các doanh nhân có thể xử sự không công bằng, văn minh, nhân đạo trong việc phân chia kết quả sản xuất kinh doanh.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi doanh nghiệp, dù là doanh nghiệp nhỏ, là kết quả chung của một tập thể. Tập thể đó trước hết là tập thể người lao động, bao gồm chủ và nhiều người thợ. Tập thể đó còn là tập thể chủ sở hữu về vốn của doanh nghiệp. Do đó, trong mọi doanh nghiệp đều có việc chia kết quả lao động. Đây là việc không dễ làm được một cách công bằng, văn minh, do sự hạn chế của tính cách con người. Vì thế, sự sai lầm trong phân chia kết quả sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp là chuyện thường ngày.

Trên đây chỉ là đơn cử một số hành vi sai trái của các doanh nhân. Trên thực tế, sự sai trái còn đa dạng, phong phú hơn gấp bội.

3-Các doanh nhân không tự giải quyết nổi nhiều vấn đề của quá triình sản xuất kinh doanh, mà chỉ có nhờ Nhà nước họ mới có khả năng quyết định đúng hoạt động của doanh nghiệp mình.

Có rất nhiều vấn đề cụ thể mà một doanh nhân phải quyết định để doanh nghiệp của mình thịnh vượng, nhưng không phải doanh nhân nào và bao giờ các doanh nhân đó cũng có thể xử lý được mọi vấn đề đặt ra cho doanh nghiệp của mình. Có thể đơn cử một số vấn đề như;

a-Vấn đề phương hướng đầu tư, phương hướng sản xuất cụ thể, đặc biệt là những doanh nghiệp tham gia thị trường quốc tế hoặc thị trường toàn quốc. Để giải quyết vấn đề này mỗi doanh nhân phải có nhiều thông tin, đôi khi là những thông tin cơ mật quốc gia hoặc quốc tế. Đương nhiên, cá nhân doanh nhân không thể có nổi các thông tin đó, cũng không đủ tầm tư tưởng để dự đoán.

b-Vấn đề xây dựng kết cấu hạ tầng cho sản xuất kinh doanh.

Mỗi doanh nghiệp đều cần có cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất kinh doanh của mình. Đương nhiên, doanh nhân phải tự đầu tư để tạo ra cơ sở đó. Tuy nhiên, có những bộ phận cơ sở vật chất kỹ thuật không thể do từng doanh nhân xây dựng riêng lẻ được. Ví dụ, các trung tâm mua bán (gọi đơn giản là các chợ), hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước thải tại các cụm công nghiệp,..v..v. Đó là những việc chỉ có thể do Nhà nước làm một cách trực tiếp hoặc gián tiếp dưới hình thức cho tư nhân thầu, Nhà nước đóng vai trò gạch nối cung-cầu.

c-Vấn đề tìm đối tác đáng tin cậy và có hiệu quả, nhất là đối tác của các doanh nhân thuộc các ngành công nghệ cao, có tầm quan hệ rộng, có lượng quan hệ lớn,..v...v..

Giới làm kinh tế ai cũng biết, ”buôn có bạn, bán có phường”. Có nghĩa là, làm kinh tế phải có đối tác. Nhưng không phải doanh nhân nào cũng dễ dàng tìm ra đối tác đáng tin cậy và hợp ý. Nếu thực hiện quan hệ rộng ra cả nước hoặc quốc tế thì việc tìm ra đối tác đạt yêu cầu càng khó khăn hơn. Các doanh nhân kém kiến thức, thiếu kinh nghiệm rất dễ bị lừa hoặc nhầm.

Trên đây chỉ là đơn cử một số vấn đề khó xử lý của doanh nhân, khiến phải có Nhà nước can thiệp.

4-Trong nền kinh tế quốc dân có một phần là của Nhà nước, gọi là kinh tế nhà nước nên Nhà nước phải quản lý chúng

a-Nội dung kinh tế nhà nước.

Kinh tế nhà nước là toàn bộ lực lượng của cải vật chất và những vật có giá thuộc quyền sở hữu của Nhà nước. Nó gồm:

-Toàn bộ tài nguyên quốc gia

-Toàn bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, được xây dựng bằng ngân sách nhà nước

-Toàn bộ dự trữ quốc gia, bao gồm hiện vật, nội ngoại tệ, vàng bạc, đá quý

-Ngân sách nhà nước

-Toàn bộ vốn nhà nước trong các doanh nghiệp, bao gồm DNNN (Có 100% vốn là của Nhà nước), vốn nhà nước trong các công ty các loại

Riêng về DNNN mỗi nước có định nghĩa riêng. Mọi định nghĩa đều chỉ là tương đối và không phải là vấn đề quan trọng. Điều căn bản thống nhất trong mọi định nghĩa về doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là ở chỗ, các doanh nghiệp này có vốn nhà nước. Được gọi là DNNN khi vốn này bằng 100% (như quy định của Nhà nước Việt nam) hoặc là một số bất kỳ nào đó, lớn hơn không (>0)

b-Sự cần thiết khách quan của kinh tế nhà nước

Mỗi nước có lý do riêng, nhưng nhìn chung, có một số lý do chính sau đây:

-Nhà nước cần tập trung hoá vốn quốc dân để đủ lượng cần thiết gây dựng những cơ sở kinh tế ban đầu cho quốc gia, khi nền móng kinh tế của quốc gia còn ở giai đoạn sơ khai, non yếu.

-Nhà nước không thể để xã hội thiếu sản phẩm hoặc dịch do khu vực tư, vì những lý do chủ quan và khách quan nào đó, không được làm, không làm được hoặc không muốn làm. Trong trường hợp đó Nhà nước phải trực tiếp thành lập các DNNN để chúng sản xuất và cung ứng các hàng hoá và dịch vụ thay cho khu vực tư.

-Nhà nước cần nắm một lực lượng kinh tế để Nhà nước có thực lực, từ đó có thể gây áp lực kinh tế đối với các đối tượng quản lý của mình, khi không muốn sử dụng công cụ cưỡng chế hoặc không thể chỉ dựa vào tuyên truyền, thuyết phục.

- Nhà nước cần nắm một lực lượng kinh tế để có thực lực , từ đó có thể thực hiện các ý đồ nhân văn, nhân đạo đối với xã hội

-Nhà nước cần nắm giữ tài nguyên quốc gia vì đó là nguồn sống còn của quốc dân.

-Nhà nước phải có ngân sách để chi tiêu cho các nhu cầu công cộng, công ích.

-Nhà nước phải có dự trữ quốc gia để phòng ngừa rủi ro thiên tai, địch hoạ

c-Vì sao Nhà nước cần quản lý bộ phận kinh tế của mình?

-Trước hết, vì những lý do, giống như những lý do, dẫn đến sự cần thiết phải có quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nói chung, đã được nêu ở trên.

-Bên cạnh đó, Nhà nước phải quản lý kinh tế nhà nước còn vì các lý do riêng sau đây:

+Các cán bộ và công chức, được Nhà nước giao cho quản lý và sử dụng các bộ phận kinh tế nhà nước nói trên, ví dụ các DNNN, các kho bạc nhà nước,..v..v. có thể, vì những lý do khách quan, chủ quan nào đó, không làm đúng chức năng, nhiệm vụ, sứ mệnh được giao, hoạt động sai vai trò, chức năng của kinh tế nhà nước.

+Tệ hại hơn nữa, những con người trên có thể sử dụng một cách lãng phí , thậm chí tham ô công sản, chạy theo lợi ích cục bộ, bản vị, biến công sản thành phương tiện mưu cầu lợi ích riêng cho tập thể mình, thậm chí, cho cá nhân hoặc một nhóm người nào đó.

II- CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

1-Chức năng bảo vệ lợi ích giai cấp trong lĩnh vực kinh tế.

Chức năng này được thực hiện thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý cụ thể như:

a-Bảo vệ chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất mà giai cấp thống trị là đại biểu.

Đối với Nhà nước tư sản, đó là việc duy trì và phát triển chế độ tư hữu tư bản tư nhân về tư liệu sản xuất. Đối với Nhà nước ta, đó là việc tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế ra đời trên cơ sở không ngừng hoàn thiện quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể.

b-Bảo vệ quyền lợi kinh tế của giai cấp thống trị trong các cơ sở kinh tế. Đối với nhà nước tư sản, đó là việc bảo vệ giới chủ trong các doanh nghiệp, chống lại sự phản ứng của giai cấp công nhân về chế độ ngày công giờ công, thù lao và bảo hiểm do giới chủ áp dụng đối với người lao động. Đối với Nhà nước ta, đó là việc bảo vệ người lao động trước sự bóc lột quá đáng của giới chủ, bảo vệ vị trí nhất định của người lao động trong quá trình lao động tại doanh nghiệp, bảo vệ nhân quyền, nhân phẩm người thợ trước mọi sự ngược đãi của giới chủ.

2-Chức năng điều chỉnh sao cho mọi quan hệ xã hội trong lĩnh vực kinh tế được thực hiện một cách tối ưu về kinh tế, công bằng, văn minh về xã hội

a-Các quan hệ xã hội trong lĩnh vực kinh tế có thể chia thành hai nhóm chính sau đây:

-Các quan hệ phân công và hiệp tác, gồm: phân công và hiệp tác theo ngành và theo lãnh thổ, nội bộ quốc gia và quốc tế, cả nước hoặc từng địa phương,..v..v

-Các quan hệ lợi ích, gồm: quan hệ lao động và tiền lương giữa chủ và thợ trong mỗi doanh nghiệp, quan hệ thương trường giữa doanh nhân với nhau, quan hệ đồng làm chủ và chia lợi nhuận công ty giữa các cổ đông trong mỗi công ty với nhau, quan hệ tranh chấp môi trường giữa các doanh nhân với nhau và với dân cư, quan hệ giữa người cung bán với người mua xung quan tương quan giữa giá cả và chất lượng, số lượng sản phẩm, dịch vụ,...v..v

b-Mục tiêu điều chỉnh của Nhà nước là:

-Đối với loại quan hệ đầu, đó là hiệu quả kinh tế. Tức là, giúp cho các quan hệ lao động, quan hệ phân công và hiệp tác được diễn ra một cách hợp lý nhất, thể hiện ở chỗ, tạo được năng suất lao động xã hội cao nhất

-Đối với loại quan hệ thứ hai, đó là làm cho mọi sự phân chia quyền lợi nói trên được thực hiện công bằng, văn minh. Mặt công bằng nói về lý, về tính khoa học của sự phân chia. Mặt văn minh nói về tình, về sự nhân ái giữa những người tham gia chia lợi ích

3-Chức năng hỗ trợ công dân làm kinh tế

Nhà nước thực hiện chức năng này thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ cụ

thể sau đây:

a-Tạo môi trường pháp lý ổn định, chặt chẽ, đủ độ tin cậy để mọi công dân yên chí lập nghiệp, yên chí làm giầu. Biểu hiện của việc thực hiện tốt chức năng này của Nhà nước là sự hiện diện một hệ thống pháp luật nói chung, đặc biệt là pháp luật kinh tế, đầy đủ, khoa học, ít thay đổi, được thực hiện nghiêm minh bởi hệ thống co quan hành pháp và tư pháp mạnh.

b-Tạo môi trường vật chất kỹ thuật, xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại cho mọi quan hệ hàng hoá được thực hiện an toàn, thuận lợi, có ghiệu quả. Biểu hiện của việc thực hiện tốt chức năng này là xây dựng được hệ thống các "chợ" đủ loại, hiện đại, bao gồm các siêu thị, các trung tâm thị trường chứng khoán, các trung tâm thông tin khoa học kinh tế-kỹ thuật-thương mại, hệ thống giao thông công chính,...v...v.

c-Tạo môi trường xã hội nhân văn cho giới kinh doanh hoạt động. Biểu hiện của việc thực hiện tốt chức năng này của Nhà nước là việc tạo ra được môi trường ngoại giao quốc tế để doanh nhân mỗi nước có cơ sở chính trị-pháp lý-ngoại giao tiến hành hợp tác kinh tế với nước ngoài, tạo được cơ hội giao tiếp giữa các doanh nhân trong nước với nhau, tạo được thị trường đầu vào, đầu ra cho các doanh nghiệp hoạt động.

d-Hỗ trợ công dân về tri thức kỹ thuật sản xuất, thông tin thị trường, khoa học quản lý.

Mọi công dân khi làm kinh tế trước hết cần có tri thức về khoa học và công nghệ của ngành sản xuất mà mình đầu tư. Kế đến là tri thức kinh tế của ngành đó. Cuối cùng là kiến thức và kinh nghiệm quản lý. Ngoài ra, người làm kinh tế rất cần thông tin thời sự về mọi lĩnh vực, từ chính trị đến an ninh, quốc phòng, lịch sử, địa lý, văn hoá,..v..v của địa bàn kinh tế mà họ dự định thâm nhập

e-Hỗ trợ công dân về vốn. Nhu cầu về vốn không chỉ có ở những người lần đầu lập nghiệp kinh tế, chưa đủ tích luỹ ban đầu. Nhu cầu này có ở cả những doanh nhân giầu có. Tuy giầu, nhưng họ vẫn cần có sự hỗ trợ về vốn vì người giỏi làm kinh tế không khi nào để vốn nhàn rỗi, chờ đầu tư. Do đó, thường xẩy ra sự lệch pha giữa khả năng sẵn sàng của vốn và cơ hội đầu tư. Đó chính là lúc nhà đầu tư cần sự hỗ trợ về vốn của Nhà nước

f-Hỗ trợ doanh nhân trong việc bảo vệ tính mạng và tài sản. Mọi công dân đều cần được Nhà nước bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản. Nhưng các công dân làm kinh tế là những người có nguy cơ bị xâm hại tính mạng và tài sản hơn cả, bởi họ có tài sản lớn. Do đó, hơn mọi người, doanh nhân cần sự hỗ trợ đặc biệt này của Nhà nước.

4-Chức năng bảo vệ kinh tế nhà nước và bảo đảm cho kinh tế nhà nước thực sự là công cụ đắc lực cùng với công cụ cưỡng chế, công cụ tuyên truyền thuyết phục, giúp Nhà nước quản lý tốt nền kinh tế quốc dân nói riêng, xã hội nói chung.

Chức năng này được thể hiện qua hai chức năng bộ phận sau đây:

a-Bảo vệ công sản, được gọi chung là kinh tế nhà nước. Kinh tế nhà nước hay công sản, bao gồm tài nguyên, hệ thống kết cấu hạ tầng do Nhà nước bỏ tiền xây nên, Ngân sách nhà nước, Dự quốc gia, Hệ thống DNNN, toàn bộ vốn nhà nước trong các công ty.

Việc bảo vệ này gồm hai nội dung:

-Chống tổn thất khách quan. Đó là những tổn thất do thiên tai, địch hoạ gây ra.
-Chống tổn thất chủ quan. Đó là các tổn thất do tham ô, lãng phí gây ra.

b-Bảo đảm cho kinh tế nhà nước phát huy tác phải có của công cụ kinh tế mà Nhà nước đã tạo dựng nên.

Đó là việc Nhà nước định hướng, khuyến khích, bắt buộc, ,..v..v.. tập thể cán bộ công chức nhà nước, những người được Nhà nước giao quản lý và sử dụng các phần công sản trên, phải dùng các bộ phận đó đúng mục đích, yêu cầu mà Nhà nước đặt ra cho họ

III-ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NỘI DUNG CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

Trên lĩnh vực kinh tế, Nhà nước quản lý những gì, quản lý tới đâu? Đó thực sự là câu hỏi nghiêm chỉnh đối với mọi Nhà nước, đòi hỏi sự trả lời nghiêm chỉnh từ phía Nhà nước. Nếu không như vậy, Nhà nước sẽ rơi vào một trong hai trạng thái sai lầm sau đây:

Hoặc là**,** mất dân chủ, bao biện làm thay nhân dân, dẫn đến sự trì trệ, kém hiệu quả trong hoạt động của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Hoặc là**,** bỏ rơi vai trò, vị trí không ai thay thế được của Nhà nước, đẩy nền kinh tế quốc dân vào tình trạng rối loạn.

Vậy, Nhà nước quản lý những gì, quản lý tới đâu đối với nền kinh tế quốc dân? Dưới đây sẽ làm rõ vấn đề đó. Đồng thời, đó cũng chính là đối tượng, phạm vi quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế quốc dân.

1-Nhà nước phải quản lý phương hướng đầu ra của nền kinh tế

a-Nội dung của vấn đề đầu ra của kinh tế quốc dân

Đầu ra của nền kinh tế, mà Nhà nước cần phải quản lý, gồm:

-Chủng loại sản phẩm và dịch vụ. Đó là vấn đề sản xuất cái gì cho xã hội? Sáng tạo dịch vụ gì cho xã hội?

-Chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Đó là vấn đề sản phẩm đó ra sao?

-Sản lượng đầu ra của sản phẩm và dịch vụ. Đó là vấn đề sản xuất bao nhiêu?

b-Vì sao Nhà nước phải quản lý phương diện nói trên của nền kinh tế

Ba vấn đề của đầu ra của nền kinh tế, như đã nêu: Chủng loại sản phẩm và dịch vụ, số lượng sản phẩm và quy mô dịch vụ, chất lượng sản phẩm và dịch vụ là những vấn đề có ý nghĩa to lớn về chính trị, kinh tế và xã hội. Việc giải quyết tốt các vấn đề trên vừa có lợi cho xã hội, cho Nhà nước, cho nhười tiêu dùng, và đấy là lý do đầu tiên khiến Nhà nước phải quan tâm đến đầu ra của nền sản xuất xã hội, vừa có lợi cho chính người sản xuất kinh doanh. Đây là điều cần được cả Nhà nước lẫn doanh nhân nhận thức đầy đủ. Nếu chỉ thấy được động cơ quản lý đầu ra của Nhà nước là bảo vệ lợi ích cộng đồng, lợi ích Nhà nước, lợi ích người tiêu dùng thì trong hoạt động quản lý của cán bộ và công chức sẽ thiên vị, thiếu sáng suốt, thiếu công bằng, khi đó ngay cả lợi ích cộng đồng, lợi ích nhà nước, lợi ích người tiêu dùng cũng không dễ đạt được. Đối với các doanh nhân cũng cần có nhận thức đầy đủ cảc hai mặt động cơ quản lý đầu ra của Nhà nước. Bởi chỉ khi đó các doanh nhân mới thật sự thoải mái, tự nguyện chấp hành các điều chỉnh của Nhà nước.

Sự cần thiết phải quản lý đầu ra của Nhà nước là ở chỗ, vấn đề chủng loại sản phẩm và dịch vụ chính là vấn đề phương hướng đầu tư sản xuất kinh doanh, vấn đề kế hoạch hoá sản xuất hàng năm, hàng tháng của từng doanh nhân. Nó liên quan đến sự tiêu thụ sản phẩm của từng doanh nghiệp, cũng là liên quan đế doanh thu và lợi nhuận của mọi doanh nghiệp, vấn đề hàng đầu mà doanh nhân nào cũng quan tâm.

Vấn đề chủng loại sản phẩm là vấn đề cơ cấu kinh tế, từ đó liên quan đến vấn đề xuất nhập khẩu. Đó vừa là vấn đề kinh tế vừa là vấn đề chính trị quốc tế.

Vấn đề số lượng sản phẩm và quy mô dịch vụ tối ưu có ý nghĩa kinh tế rất lớn. Nếu tất cảc các doanh nhân đều mù quáng tăng sản lượng chắc chắn sẽ có sự ế hàng. Nhưng nếu mọi doanh nhân đều không quan tâm đáp ứng nh cầu thì chắc chắn sẽ làm cho xã hội thiếu hàng hoá.

Vấn đề chất lượng sản phẩm và dịch vụ có ý nghĩa nhiều mặt: kinh tế, y tế, khoa học, công nghệ, chính trị-xã hội. Đó là vấn đề sức khoẻ nhân dân, cả về mặt thể chất lẫn tinh thần.

c-Nội dung quản lý nhà nước đối với đầu ra củ nền kinh tế

Nhà nước quản lý đầu ra cuả nền kinh tế thông qua các công vụ chủ yếu sau đây:

-Thống nhất hoá, tiêu chuẩn hoá chất lượng sản phẩm, hình thành nên các tiêu chuẩn quốc gia hoặc tham gia tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng sản phẩm.

-Xác lập danh mục các loại sản phẩm, dịch vụ bị nghiêm cấm sản xuất, tạo dựng.

-Xây dựng các mệnh lệnh, các đơn hàng, các hợp đồng hành chính, các hướng dẫn..v..v.. tuỳ từng loại đối tượng quản lý để hướng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vào các mặt hàng, các dịch vụ mà Nhà nước thấy có lợi cho xã hội , cho cộng đồng hoặc cho Nhà nước.

-Giám sát sự tuân thủ chất lượng sản phẩm của người sản xuất hàng hoá và dịch vụ, đấu tranh chống việc làm hàng giả, hàng chất lượng kém, hàng chứa độc tố cả về vật chất lẫn tinh thần.

2-Nhà nước phải quản lý mặt sở hữu về tư liệu sản xuất của nền kinh tế

a-Nội dung cụ thể của vấn đề

Có hai khía cạnh sau đây, thuộc vấn đề sở hữu kinh tế:

-Đặt quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài nguyên quốc gia. Tài nguyên quốc gia vốn dĩ là của chung, nhưng thông thường, chủ sở hữu được hình thành một cách ngẫu nhiên, tuỳ lịch sử hiện diện của con người tại mỗi vùng đất. Do vậy, có quốc gia coi tài nguyên là công sản 100%, có Quốc gia chỉ quy định những tài nguyên quan trọng là công sản. Vì thế, khi lập quốc, khi thay đổi chính thể, Hiến pháp mở đầu kỷ nguyên mới phải tuyên bố chủ quyền quốc gia về tài nguyên. Sự tuyên bố đó có thể là sự tái định, cũng có thể là sự tân định. Nhưng, dù mới công nhận hay giữ nguyên trạng, công việc quản lý nhà nước về kinh tế, có liên quan đến vấn đề sở hữu phải công bố ý chí của Nhà nước về vấn đề này.

-Khẳng định các dạng sở hữu đối với các tư liệu sản xuất, mà thực chất là tuyên bố thừa nhận:

+Các loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất

+Các loại hình doanh nghiệp

b-Vì sao Nhà nước cần quản lý mặt sở hữu của kinh tế? Đó là vì

-Ý nghĩa chính trị, giai cấp của vấn đề sở hữu. Với việc tuyên ngôn về vấn đề sở

hữu về tư liệu sản xuất trong Hiến pháp và các đạo luật, có liên quan đến kinh tế, Nhà nước khẳng định hai điều:

+Quyền của công dân trong việc có tư liệu sản xuất đến đâu. Đó chính là cơ sở để hình thành nên nền tảng giai cấp, nền tảng chính trị của quốc gia. Nói cách khác là, qua việc thiết lập chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất, Nhà nước tạo dựng được cơ sở chính trị từ trong kinh tế, Nhà nước xây dựng được chế độ kinh tế làm nền tảng cho chế độ chính trị.

+Ý chí kiểm soát của Nhà nước đối với các sở hữu chủ khác. Nếu tỷ trọng DNNN nói riêng, kinh tế nhà nước nói chung, cao, nếu trong hệ thống doanh nghiệp của nền kinh tế quốc dân có nhiều công ty cổ phần nhà nước, nếu phần lớn những công ty cổ phần nhà nước là những công ty, trong đó vốn nhà nước chiếm phần chi phối..v...v, có nghĩa là, lực lượng kinh tế của Nhà nước sẽ giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế quốcdân, kinh tế nhà nước đang kèm chặt các laọi kinh tế không của Nhà nước trênm thương trường. Nói cách khác là, Nhà nước thực hiện được sự thống trị của mình về kinh tế

-Ý nghĩa kinh tế của vấn đề sở hữu.

Theo nguyên lý kinh tế, đã được các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin phát hiện, chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất nói riêng, quan hệ sản xuất nói chung, là một trong những nhân tố, quyết định sự phát triển lực lượng sản xuất. Theo quy luật đó, quan hệ sản xuất phải phù hợp và thích ứng với trình độ và tính chất cuả sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nếu không như vậy, hoặc quan hệ sản xuất phải bị thay thế hoặc lực lượng sản xuất bị đình đốn. Vì vậy, trong quản lý nhà nước về kinh tế, nếu giải quyết không tốt vấn đề quan hệ sản xuất sẽ làm đình đốn lực lượng sản xuất.

3-Nhà nước phải quản lý việc xây dựng lực lượng sản xuất về các mặt sau đây:

a-Về giải pháp nguyên liệu cho sản xuất hàng hoá và dịch vụ của các doanh nghiệp

-Đối tượng và phạm vi quản lý của Nhà nước về mặt nguyên liệu.

Bất kỳ một hoạt động sản xuất nào cũng cần có nguyên liệu. Bảo đảm nguyên liệu cho sản xuất là việc của doanh nhân-chủ nhân trực tiếp của doanh nghiệp. Họ phải làm tất cả mọi việc để có nguyên liệu cho sản xuất của họ. Về phần mình, Nhà nước phải quản lý các mặt sau đây:

+Các quá trình sản xuất động chạm đến nguồn tài nguyên nào của quốc gia. Chẳng hạn, sản xuất điện từ năng lượng nào?, sản xuất đồ mộc từ rừng cây nào? các điểm du lịch động chạm đến núi, rừng nào?...v...v..

+Các doanh nhân mua nguyên vật liệu của nước nào để thực hiện quá trính sản xuất của họ?

+Các nhà sản xuất chế tạo sản phẩm bằng chất liệu gì?.

+Trình độ khai thác, tận dụng của các doanh nghiệp trong việc khai thác và sử dụng các loại tài nguyên, nguyên liệu như thế nào? Chúng có sử dụng tiết kiệm và hợp lý không?, chúng có khai thác một cách khoa học cá nguồn tài nguyên quốc gia không? Có làm cùng kiệt, huỷ hoại các nguồn tài nguyên đó không.

-Sự cần thiết phải quản lý nhà nước đối với vấn đề trên.

Sở dĩ Nhà nước phải quan tâm tới nhưng khía cạnh nêu trên của vấn đề nguyên liệu là vì

+Chúng liên quan đến chất lượng sản phẩm, từ đó ảnh hưởng đến sức khoẻ người tiêu dùng, đến đến sực khoe chung của cả dân tộc.

+Chúng liên quan đến môi trường sinh thái do tác động vàp tài nguyên khi các doanh nhân khai thác tài nguyên. Đó là tài nguyên rừng, ảnh hưởng đến chế độ thuỷ văn của các dòng sông, đến ôn độ của mỗi vùng hoặc cả nước. Đó là tài nguyên nước ngầm, ảnh hưởng đến địa chất công trình, đến ôn độ của vỏ trái đất. Và ..v...v

+Chúng ảnh hưởng đến bản thân quỹ tài sản vô cùng quý gái của quốc gia. Đó là tài nguyên. Sự giầu có của mỗi quốc gia thể hiện ở lượng của cải vật chất do quốc gia đó tạo ra hàng năm. Kết qả này phụ thuộc vào nhiều nhân tố, trong đó nhân tố hàng đầu là tài nguyên. Một quốc gia không có tài nguyên vẫn có thể trở nên giầu có, nhưng phải là một quốc gia năng động và trí tuệ, có đội ngũ trí thức và những người lao động có khối óc sáng tạo và đôi bàn tay vàng. Những quốc gia như vậy không nhiều. Do vậy, nói chung, mọi quốc gia muốn giầu có phải giầu tài nguyên, bởi vì, mọi của cải vật chất đều được chế tạo từ tài nguyên, không của trong nước thì cũng từ tài nguyên của một nước ngoài nào đó. Do vậy, tiết kiệm tài nguyên là vấn đề sống còn của mọi quốc gia mà Nhà nước không thể bàng quan

-Nhiệm vụ, nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên.

Quản lý nhà nước về tài nguyên là nội dung lớn, được trình bày trong một chuyên đề riêng. Trên giác độ kinh tế, vấn đề tài nguyên được Nhà nước quản lý với nội dung sau:

+Bảo vệ tài nguyên, ngăn chặn mọi hành vi khai thác và sử dụng tài nguyên không được phép Nhà nước.

+Điều tra nắm vững mọi nguồn lợi tài nguyên, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch động dụng tài nguyên vào các quá trình kinh tế một cách tối ưu cho quốc gia.

+Xây dựng pháp luật bảo vệ và khai thác, sử dụng các laọi tài nguyên.

+Điều khiển việc khai thác tài nguyên quôc gia của các doanh nhân trên mặt trận kinh tế, từ việc cấp phép khai thác đến kiểm tra, giám sát việc chấp hành giấy phép và các quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động khai thác, vận chuyển, bảo quản, sử dụng tài nguyên, nhất là các tài nguyên quý, hiếm, có yếu tố độc hại(các nguyên tố sạ hiếm), giữ vững quyền làm chủ quốc gia về tài nguyên trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên, thu lợi cho Nhà nước.

+Kiểm soát ảnh hưởng của nguyên liệu đối với chất lượng sản phẩm để ngăn ngừa, nghiêm cấm việc sử dụng nguyên liệu bất lợi trong việc chế tạo sản phẩm, kiểm soát việc khai thác, sử dụng tài nguyên có liên quan đến mội trường sinh thái để tiến hành các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm, khắc phục ô nhiễm, tái tạo môi trường,..v..v

+Kiểm soát đối tác buôn bán nguyên liệu của các doanh nhân, ngăn ngừa việc xuất nhập khẩu nguyên liệu bất lợi cho đất nước, ngăn ngừa mọi rủi ro cho doanh nhân trong quan hệ xuất-nhập khẩu nguyên liệu

b-Về các giải pháp thiết bị và công nghệ, được các doanh nhân dùng vào sản xuất, kinh doanh.

-Đối tượng,phạm vi quản lý của Nhà nước về mặt thiết bị và công nghệ trong hoạt động inh tế

Về mặt này, Nhà nước phải quan tâm đến các khía cạnh sau đây:

+Loại thiết bị, công nghệ, trình độ tiêntiến của chúng

+Nguồn cung ứng các thiết bị và công nghệ đó

-Tầm quan trọng của việc quản lý các hoạt động thuộc lĩnh vực này.

Sở dĩ Nhà nước phải quản lý trên các khía cạnh trên là vì:

+Chất lượng thiết bị và trình độ hiện đại của công nghệ được áp dụng ảnh hưởng rất lớn chất lượng sản phẩm, được sản xuất theo phương pháp công nghệ và thiết bị đó, ảnh hưởng đến sự an toàn tính mạng của người sử dụng thiết bị trong quá trình sản xuất, ảnh hưởng đến trình độ tiên tiến và hiệu quả của việc khai thác tài nguyên, ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sinh thái, nơi thiết bị và công nghệ đó được sử dụng,...v...v..

+Nguồn cung ứng thiết bị, mà thực chất là vấn đề, thiết bị và công nghệ đó được nhập từ nước nào, là vấn đề có ý nghĩa về mặt chính trị, khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế nước nhà khi quan hệ với đối tác đó.

-Nhiệm vụ quản lý của Nhà nước trên phương diện này.

Quản lý mặt này, Nhà nước phải:

+Kiểm soát và điều khiển các doanh nhân trong việc nhập khẩu thiết bị kỹ thuật và công nghệ từ nước ngoài, ngăn cấm sự du nhập các thế hệ kỹ thuật và công nghệ bất lợi cho quốc gia.

+Kiểm soát và ngăn chặn các sơ hở của các doanh nhân về chính trị, về an ninh quốc gia trong khi tiếp xúc với thị trường quốc tế về chất xám.

c-Về các giải pháp tổ chức sản xuất của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Về mặt này, Nhà nước phải quan tâm , can thiệp vào các vấn đề sau đây:

-Vấn đề phân bố địa lý kinh tế, xác lập địa điểm xây dựng các đơn vị sản xuất kinh doanh.

-Vấn đề tổ chức sản xuất xã hội, can thiệp vào các quan hệ hiệp tác giữa các doanh nhân nước nhà với các đối tác nước ngoài, vấn đề quy mô đơn vị sản xuất kinh doanh, vấn đề phân công chuyên môn hoá...v...v.

Tổ chức sản xuất là một vấn đề khó giải, do tầm nhìn vấn đề khá rộng. Vì thế các doanh nhân thường không nhìn thấy hết sự hợp lý trong không gian và thời gian của viêcj phân bố địa lý sản xuất, của việc phân công và hiệp tác, của việc thiết lập các quan hệ thương mai quốc tế.

đ-Về mặt bảo vệ môi trường, hạn chế sự tác hại của sản xuất kinh doanh tới môi trường của các doanh nhân.

Nhà nước phải quan tâm tới các mặt cụ thể sau đây:

-Các độc tố mà các hoạt động sản xuất kinh doanh thải ra môi trường, mức độ độc hại của chúng.

-Các biện pháp khoa học-công nghệ xử lý chất thải trước khi cho chúng nhập vào môi trường, trong quy định một cách bắt buộc các biện pháp mà các đơn vị sản xuất kinh doanh phải thực hiện nhằm xử lý các tác hại của sản xuất kinh doanh tới môi trường. Ví dụ, các biện pháp xử lý nước thải trước khi thải vào hệ thống tiêu thoát chung, chuẩn mực các loại ống khói của nhà máy, các thiết bị giảm thanh,..v...v

-Quy định các khoản phí phải nộp để Nhà nước khắc phục sự ô nhiễm môi trường.

4-Nhà nước phải quản lý quan hệ giữa người và người trong các đơn vị sản xuất kinh doanh.

a-Những quan hệ con người trong các đơn vị SXKD, cần được Nhà nước quan tâm:

-Quan hệ chủ thợ. Trong quan hệ chủ thợ, Nhà nước cần quan tâm đến các khía cạnh sau đây:

+Quan hệ tiền công

+Thái độ lao động của thợ và quan hệ với chủ

+Đối xử của chủ với thợ trong quan hệ điều khiển, quan hệ quản lý. Người chủ có súc phạm thân thể, danh dự người thợ hay không và nược lại.

+Quan hệ bảo hộ lao động và bảo hiển xã hội

-Quan hệ giữa tầng lớp chủ với nhau, tức quan hệ giữa các cổ đông với nhau, các xã viên HTX với nhau. Quan hệ này thường cần được Nhà nước điều chỉnh ở các khía cạnh sau:

+Sự bình đẳng giữa các xã viên, các cổ đông trong quản lý công ty, HTX. Thường xảy ra những tranh chấp quyền lãnh đạo công ty, thiếu dân chủ trong phát biểu và biểu quyết các vấn đề của Đại hội đồng cổ đông hoặc hội đồng quản trị. Nhà nước bằng hoạt động quản lý của mình ngăn ngừa các tình huống đó xảy ra.

+Sự công khai công bằng trong phân chia quyền lợi giữa các cổ đông của công ty, các xã viên của HTX. Nhà nước cần bằng ảnh hưởng của mình để trong các HTX, các Công ty không xảy ra tham ô, biển lận quỹ chung.

5-Nhà nước phải quản lý việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của các đơn vị kinh tế nhà nước và sự toàn vẹn giá trị vốn nhà nước tại các cơ sở này

a-Đối tượng quản lý của Nhànức về mặt này là:

-Các DNNN, mà cụ thể là các giám đốc DNNN

-Các cơ quan Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, được Nhà nước giao trực tiếp quản lý Dự trữ quốc gia, Tài nguyên quốc gia, các công trình kết cấu hạ tầng, Kho bạc nhà nước, các ngân hàng thương mại quốc doanh,..v..v

b-Phạm vi vấn đề cần quan tâm, quản lý

Nhà nước cần quan tâm, quản lý các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp nói trên về các mặt sau đây:

-Sự nguyên vẹn của tài sản. Tức là, không để cho các tài nguyên quốc gia, dự trữ quốc gia, ngân sách nhà nước, vốn nhà nước trong các doanh nghiệp, trước hết là DNNN..v..v.. bị tham ô, lãng phí

-Sự làm tròn vai trò, tác dụng của các đơn vị kinh tế. Tức là các đơn vị nói trên thực hiện được vai trò, chức năng của chúng, mà vì thế, Nhà nước xây dựng nên chúng. Chẳng hạn thực hiện được vai trò chức năng của DNNN, như đã trình bày ở trên.

IV-PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

1-Khái niệm phương thức quản lý.

Phương thức quản lý là cách sử dụng các phương pháp quản lý, là phương hướng vận dụng các phương pháp. Phương thức quản lý cũng có thể được hiểu như là nét chung của một hệ thống các phương pháp quản lý cụ thể khác nhau nào đó, dựa theo tính chung của chúng. Tên của phương thức quản lý đó được đinh ra trên cơ sở khái quát nét chung nhất của của cả hệ thống các phương pháp đó. Chẳng hạn, phương thức kích thích là cách gọi chung của cả loạt các phương pháp cụ thể như, thuế, lãi suất ngân hàng, giá cả,..v..v. Các phương pháp trên có nét chung là đềudùng lợi ích vật chất để làm cho đối tượng vì ham muốn lợi ích đó mà theo Nhà nước. Phương pháp cụ thể dùng những cái lợi cụ thể, như tiền thưởng, cho vay lãi suất thấp hoặc chậm phải trả, miễn hoặc giảm thuế, khen ngợi,..v..v. Các phương pháp đó có nét cụ thể khác nhau, nhưng đều cùng là dùng lợi ích làm động lực phấn khích đối tượng. Vì thế, người ta gọi chung các phương pháp đó là phương thức kích thích, khi mỗi cách kích thích cụ thể đã gọi là phương pháp rồi.

Đối lại, cưỡng chế là cách gọi chung cho cả loạt pghương pháp cụ thể nào đó, trong đó mọi phương pháp cụ thể khác nhau đều giống nhau ở chỗ dùng thiệt hại để buộc đối tượng quản lý vì sợ thiệt hại mà tuân theo Nhà nước. Đối tượng do sợ bị thiệt hại mà phải theo Nhà nước, chứ không phải vì bị kích thích mà tuân theo Nhà nước. Một phương pháp cụ thể có thể được dùng theo hai phương thức: Kích thích hoặc cưỡng chế. Chẳng hạn, phương pháp thuế. Khi miễn thuế hoặc giảm thuế cho đối tượng quản lý, tác động quản lý theo chiều kích thích. Phương pháp thuế lúc ấy thuộc phương thức kích thích. Nhưng khi tăng thuế, tác động diễn ra theo chiều cưỡng chế. Lúc này đối tượng quản lý vì sợ thiệt mà tuân theo Nhà nước. Như vậy, các phương pháp cụ thể có nhiều, nhưng vận dụng chúng thế nào lại thuộc phạm trù phương thức.

2-Các phương thức QLNN về kinh tế

a-Phương thức cưỡng chế

-Khái niệm và bản chất của quản lý bằng cưỡng chế

Cưỡng chế suy cho cùng là dùng thiệt hại làm áp lực để buộc đối tượng quản lý vì sợ thiệt hại mà tuân theo sự chỉ dẫn, đáp ứng các đòi hỏi, thoả mãn các yêu cầu của Nhà nước.

Ví dụ, dùng phạt tiền, giam cầm, tử hình,..v..v đối với những hành vi của các

doanh nhân trái với các quy định của Nhà nước.

-Các lực cưỡng chế

Lực cưỡng chế, được hiểu theo bản chất cuả cưỡng chế như trên, bao gồm:

-Thiệt hại về tài sản.

-Thiệt hại về thân thể, trong đó lại chia ra:

+Thiệt tự do, dưới hình thức tù đày, từ hữu hạn tới vô hạn (Tù chung thân), trong hữu hạn có nhiều hạn dài ngắn khác nhau, tuy tội trạng.

+Thiệt mạng, dưới hình thức tử hình.

Ai cũng biết, con người ta trong lúc bình thường, có hai cái quan trọng nhất, quý giá nhất. Đó là tính mạng và tài sản. Do vậy, thông thường, ai cũng sợ thiệt hại tài sản hoặc thiệt hại tự do và tính mạng. Đo đó, tài sản và tính mạng được Nhà nước dùng làm áp lực để buộc công dân phải theo Nhà nước.

-Khi nào cần sử dụng phương thức cưỡng chế

Nói chung, đó là khi các hành vi sai trái của đối tượng quản lý so với sự quy định của Nhà nước sẽ gây tác hại nghiêm trọng cho xã hội. Chính vì thế phương thức cưỡng chế là dùng thiệt hại để ngăn chặn thiệt hại.Tính nghiêm trọng của thiệt hại mà hành vi trái pháp luật gây ra là một quan niệm tương đối, xét về mức độ. Có nghĩa là, quan niệm như thế nào là thiệt hại nghiêm trọng do hành vi trái pháp luật gây ra cho cộng đồng để từ đó mà điều chỉnh bằng cưỡng chế, là một vấn đề khó giải. Do vậy, việc đưa một hành vi sai trái nào vào diện điều chỉnh cưỡng chế, cưỡng chế pháp luật hay cưỡng chế hành chính...v...v.. là một vấn đề, được thường xuyên đặt ra cho hoạt động lập pháp của mỗi quốc gia.

b-Phương thức kích thích

-Khái niệm và bản chất của kích thích

Kích thích suy cho cùng là dùng lợi ích làm động lực để làm cho đối tượng quản lý vì muốn được lợi mà tuân theo Nhà nước. Ví dụ, cho vay lãi suất thấp, miễn giảm thuế, được bán giá cao, được mua giá hạ,..v..v nếu thực hiện theo sự chỉ dẫn, yêu cầu của Nhà nước

-Phương pháp kích thích-Các lực kích thích

Gần giống như lực cưỡng chế, lực kích thích bao gồm:

-Các giá trị tinh thần, tình cảm, như tuyên dương, khen, tôn vinh,..v..v.. với các danh hiệu vẻ vang, huân huy chương, các hội nghị biểu dương,..v..v

-Dùng tiền, của, các giá trị đặc ân khác để thưởng, như cho vay lãi suất thấp, miễn giảm thuế, gia ân mua hoặc bán cho Nhà nước,..v..v

Cần phân biệt hai hướng tác động của vật chất trong hai trường hợp : cưỡng chế và kích thích. Cả hai phương thức đều dùng vật chất làm lực tác động. Tuy nhiên, khi cưỡng chế, đối tượng phải trao vật chất của mình cho Nhà nước, dưới hình thức nộp phạt. Còn khi kích thích, đối tượng được nhận vật chất từ phía Nhà nước. Do đó sẽ là không chính xác khi nói rằng việc dùng lợi ích vật chất là phương pháp kích thích. Nó chỉ đúng một nửa mà thôi.

-Khi nào cần áp dụng phương thức kích thích

Đó là khi các hành vi trái ngược của đối tượng quản lý so với ý định của Nhà nước không thuộc diện gây tác hại, chỉ thuộc loại không có lợi mà thôi. Chính vì vậy, các hành vi đó không thuộc diện ngăn cấm, mà chỉ thuộc diện cách ly bằng cách lôi kéo đối tượng về mình. Muốn vậy, phải giành cho đối tượng quản lý những món lợi thay thế, hơn hẳn lợi ích mà trúoc đó họ theo đuổi. Được như vậy, họ sẽ theo Nhà nước.

c-Phương thức thuyết phục

-Khái niệm và bản chất của quản lý bằng thuyết phục

Thực chất của thuyết phục là giúp đối tượng quản lý tính toán hết những lợi, hại mà họ có thể nhận được khi thực hiện các phương án hành vi khác nhau trong sản xuất kinh doanh của họ, giúp họ nhận ra con đường duy nhất đúng để từ đó mà chủ động tiến thân theo chân lý đã được nhận thức

-Nội dung thuyết phục

Đối tượng quản lý cần được thuyết phục về những điều sau đây:

-Pháp luật nói chung, trong đó có pháp luật kinh tế, trong đó có ba yếu tố quan trọng nhất là:

+Nội dung của quy phạm pháp luật để đối tượng hiểu được những gì bị

cấm, những gì được phép.

+Lý lẽ của quy định để đối tượng hiểu được vì sao Nhà nước yêu cầu, cho phép hoặc nghiêm cấm công dân tiến hành một số hành động nào đó.

+Sự trừng phạt của Nhà nước đối với các hành vi chống lại các quy phạm nói trên nhằm làm cho đối tượng thấy trước tính nghiêm minh, cẩn mật của sự giám sát của các cơ quan bảo vệ pháp luật, khiến không ai có thể thoát nổi sự trừng trị của pháp luật, từ đó mà tuân phục.

-Nội dung thứ hai cần đưa vào chương trình thuyết phục là kế hoạchnhà nước, bao gồm cả phần bắt buộc lẫn phần hướng dẫn, trong đó có các yếu tố cần được làm cho đối tượng rõ như sau:

+Nội dung kế hoạch nhà nước, bao gồm những chương trình chung về phát triển kinh tế, các dự án đầu tư phát triển, trong đó đặc biết không thể thiếu được phần nói về các nghĩa vụ kinh tế mà đối tượng cần thực hiện.

+Lý lẽ của việc cần làm theo kế hoạch đó. Lý lẽ này bao gồm cả cơ sở khoa học lẫn căn cứ pháp lý. Tức là phải chỉ ra cho đối tượng rõ những định hướng, những chỉ tiêu, những nghĩa vụ mà Nhà nước đề ra trong kế hoạch nhà nước và kêu gọi, hướng dẫn hoặc bắt buộc công dân làm là xuất phát từ nguyên lý khoa học kinh tế nào, từ tình hình thực tiễn nào của đất nước và từ quy định nào của pháp luật.

+Lợi hoặc hại nếu làm theo hoặc không theo kế hoạch nhà nước. Những lợi hại này có thể là kết quả tất yếu theo quy luật cũng có thể là lợi hại nằm trong chế tài và chính sách kích thích kinh tế của Nhà nước.

-Lý thuyết kinh tế và đạo lý làm kinh tế. Lý thuyết kinh tế chính là các nguyên lý kinh tế , như các quy luật vận động vĩ mô, vi mô của kinh tế, các quy tắc tổ chức sản xuất, kinh doanh, các thuật quản trị doanh nghiệp..v...v. Đạo lý làm giầu là lý lẽ của các phương châm xử thế trong hoạt động thương trường như, hiểu được thế nào là "làm phúc cũng như làm giầu", vì sao phải " buôn có bạn, bán có phường", phải "ăn trông nồi, ngồi trông hướng", phải biết gắp bỏ cho người khi muốn ăn theo tinh thần câu nói "muốn ăn gắp bỏ cho người"..v..v.

-Khi nào cần áp dụng phương thức thuyết phục?

Với thực chất và nội dung thuyết phục như trên, phương thức này chính là một phần của phương thức cưỡng chế và phương thức kích thích. Nói cách khác là, không có sự tuyên truyền, thuyết phục suông, thuần tuý tách rời các phương thức trên, và cũng không thể thực hiện cưỡng chế hay kịch thích kinh tế mà không thực hiện việc